HỬ SO SÁNH TRIẾT LÝ VỀ SỰ SỐNG GIỮA "CHU DỊCH" VỚI "BÀN VỀ TIẾN HÓA SÁNG TẠO" CỦA HENRI BERGSON *

PHƯƠNG LỰU

Đại học Sư phạm - ĐHQGHN

iết lý về sự sống (Lebensphilosophie) không phải là một lối nói thông thường, mà là uyết triết học có tham vọng dùng sự phát sinh và phát triển của sinh mệnh để giải thích cũng như những cơ sở tri thức và kinh nghiệm của con người. Nó hình thành dưới ảnh của những loại triết học như thuyết ý chí sinh tồn của Arthur Schopenhauer, thuyết ý chí lực của Friedrich Wilhelm Nietzsche, thuyết tiến hóa sinh vật của Charles Robert ..... , và thịnh hành ở Pháp và Đức vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Triết gia Đức m Dilthey (1833-1911) là người đầu tiên dùng từ "Triết học về sự sống" để hình dung lý của mình; tiếp theo là triết học về "đời sống tinh thần" của Rudolf Christooh Eucken 1926).... Ngoài ra, những người theo chủ nghĩa Kant mới như Heinrich Rickert (1863- và Wilhelm Wildelband (1848-1915) phân biệt nghiêm nhặt giữa khoa học tự nhiên với luận (triết học văn hóa, khoa học tinh thần) cũng có những tác dụng hậu thuẫn cho triết sự sống. Nói chung các triết gia về sự sống không hài lòng với chủ trương lý tính ı nhặt của Hégel cũng như với quyết dịnh luận nhân quả của chủ nghĩa duy vật, vì cho ıững loại lý thuyết này đã phủ nhận cá tính, nhân cách và tự do. Họ đề xướng phải lấy ý tình cảm bổ sung cho lý tính, có như thế mới đạt đến được bản chất của "sự sống". Triết ự sống đã ảnh hưởng rất nhiều đến Edmund Husserl, người sáng lập ra Hiện tượng học ở à William James, người chủ trương "tín ngưỡng ý chí" ở Hoa Kỳ. Đặc biệt các triết gia nh như Karl Japers và Martin Heidegger ở Đức và Jean Paul Sarte ở Pháp đã kế thừa và iển rất nhiều triết học về sự sống, bằng cách thay dổi khái niệm "ý chí" thành "hiện

ến đầu thế kỷ XX, triết học về sự sống được đánh dấu bởi tên tuổi của triết gia Đức Hans Eduard Driesch (1867-1941). Nhưng đặc biệt là triết gia Pháp Henri Bergson (1859- Henri Bergson, hiển nhiên là thủy tổ của chủ nghĩa trực giác, nhưng đồng thời còn là ia về sự sống. Có một liên hệ nội tại giữa hai mặt này. Chủ nghĩa trực giác của Henri ın, chẳng qua là một phương pháp nhận thức đối với cuộc sống theo quan niệm của ông. ıy, Henri Bergson khẳng định rằng, trong thế giới hiện thực mà chúng ta nghe nhìn được chứa bên trong một cái "đà sống" (élan vital). Nó là một sự thúc đẩy ban đầu vốn có, cứ ai triển, mở rộng thúc đẩy mãi mãi, không hề hạn chế bởi bất cứ cái gì. "Cái đà sống", lenri Bergson là thuộc về tâm lý, ý thức: "Ý thức, nói đúng hơn là siêu ý thức, là nguồn a sự sống" (*Bàn về tiến hóa sáng tạo*). Ý thức là sự kéo dài tự thân của chúng ta, là sự ıng trong đời sống nội tâm, và nếu xét theo cấp độ vũ trụ, thì nó là "sự xung động của sự làm sống động thế giới. Chính nó sẽ làm nảy sinh vạn vật, dẫn đến sự tiến

cáo tại "Hội thảo khoa học về Chu Dịch lần thứ ba" của Trung tâm Trung Quốc học, Đại học phạm - ĐHQGHN, 28 tháng 12 năm 1996.

hóa của chủng loài. Theo Henri Bergson khả năng tiến hóa đó rất lớn, cho nên ý chí, tinh
linh hồn của con người là bất hủ. Nhưng cũng theo ông, sự xung động của sự sống là
tiện, ngẫu nhiên, không theo một quy luật nào cả, cho nên mọi sự giải thích theo phươn
khái quát, phân tích suy lý đều không thích hợp. Phải dùng đến trực giác là vì vậy.
những quan niệm nói trên, về cơ bản đều vốn đã được biểu đạt trong công trình *Bàn v*
hóa sáng tạo mà Henri Bergson công bố vào năm 1907 và được giải Nobel vào 1912. Và
công trình này có nhiều điểm rất tương đồng với triết lý về sự sống trong *Chu Dịch*. N
tương đồng với nhiều nét khu biệt, hiển nhiên!

Trong *Chu Dịch*, chữ "sinh" lặp đi lặp lại với một tần số cao để hình dung sự sốn
một dòng chảy liên tục và vô tận: "Thiên địa chi đại đức viết sinh" *(Hệ từ hạ)*. Có nghĩ
"Cái đức lớn của trời đất là sinh trưởng không ngừng".

"Phú hữu chi vị đại nghiệp, nhật tân chi vị thịnh đức. Sinh sinh chi vị Dịch" (
thượng). Có nghĩa là: "To lớn bao trùm hết thảy cho nên bảo sự nghiệp nó lớn. Biến hóa
ngày cho nên bảo là đức thịnh. Sinh trưởng mãi cho nên gọi là Dịch"...

Có thể thấy *Chu Dịch* đã đem sự sống gắn chặt với biến hóa của đất trời, tức vũ trụ,
nhiên, và do đó, tự nó cũng thay đổi phát triển không ngừng. Trong *Bàn về tiến hóa sá*
của Henri Bergson, cũng xuất hiện với tần số cao những mệnh đề như: "Tồn tại là biến
"Sinh mệnh không ngừng biến hóa đổi mới", "Thực thể là sự phát triển liên tục không r
một sự sáng tạo vô cùng tận", "Vạn vật sinh mới, đều do một lực xung động bên tron
trưởng mãi mãi đem lại, đồng thời tiến hóa phát triển theo dòng thời biến (durée) luôn
đến trước", "Một dòng chảy xiết vô cùng biến hóa không ngừng"...

Như thế, *Chu Dịch* và *Bàn về tiến hóa sáng tạo* giống nhau ở những điểm như sự s
gắn liền với vận động, tiến hóa; trong vận động biến hóa luôn luôn nảy sinh sự vật mới;
động biến hóa nảy sinh những sự vật mới đó là vô cùng tận... Trong *Bàn về tiến hóa sá*
lại rất nhấn mạnh mối liên hệ mật thiết giữa thời gian và sự sống tiến hóa:

"Thời gian có nghĩa là phát minh, sự sáng tạo ra hình thái, và sự vật mới không ngừ
sinh"; "Thời gian không phải là cái gì khác mà là sự sáng tạo"....

Vận động biến hóa được diễn ra trong thời gian, cho nên *Chu Dịch* cũng rất nhấn
vấn đề thời gian:

"Thiên địa cách nhi tứ thời thành" (Cách, Thoán truyện), có nghĩa là "Trời đất đổ
nên thành bốn mùa".

"Thiên địa doanh hư, dữ thời tiêu tức" (Phong, Thoán truyện), có nghĩa là "Trời đ
rỗng, theo thời gian mà tiêu sinh".

"Phàm ích chi đạo, dữ thời giai hành" (Ích, Thoán truyện), có nghĩa là "Phàm cái
ích, thì đi cùng với thời gian".

"Pháp tượng mạc đại hồ thiên địa, biến thông mạc đại hồ tứ thời" (Hệ từ hạ), có n
"Phép đặt tượng không gì to bằng trời đất, phép biến thông không gì lớn bằng bốn mùa".
Trở lên là những nét tương đồng giữa *Chu Dịch* với *Bàn về tiến hóa sáng tạo*. Nhưng
trong bối cảnh đầu thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, những đặc quyền đẳng cấp phong kiến đ
toàn bị tiêu diệt, khoa học hiện đại và sức sản xuất vật chất của chủ nghĩa tư bản đã r
triển, triết lý về sự sống của Henri Bergson rất nhấn mạnh sự sáng tạo tự do của cá thể
điều không thể đạt tới trong triết lý về sự sống ở Phương Đông mấy ngàn năm trước. *Ch*
đã luôn luôn tỏ ra duy trì chế độ đẳng cấp tôn ti, xem đó là điều không thể thay đổi, nằm
"biến hóa chi đạo". Không khó tìm thấy trong *Chu Dịch* những mệnh đề như:

"Quân tử dĩ tư bất xuất kỳ vị" (Cấn, Tượng truyện), có nghĩa là "Người quân tử sự
không ra ngoài cương vị của mình".

Nữ chính vị hồ nội, nam chính vị hồ ngoại. Nam nữ chính, thiên địa chi đại nghĩa dã" hân, Thoán truyện), có nghĩa là "Nữ giữ địa vị bên trong, nam giữ địa vị bên ngoài, nam chính vị như thế, đó là đại nghĩa của trời đất vậy".

hưng quan niệm đẳng cấp tôn ti trong *Chu Dịch* là bắt nguồn từ những quan hệ huyết trong xã hội thị tộc nguyên thủy, chứ không phải là thực trạng của chế độ đẳng cấp tôn g mấy ngàn năm xã hội phong kiến sau này ở Trung Quốc, càng không phải là thực trạng đẳng cấp tôn ti dưới sự chi phối của Cơ đốc giáo ở Châu Âu thời Trung thế kỷ. Cho nên lấy gì làm lạ trong *Chu Dịch* thường nhấn mạnh sự "hòa đồng", thân ái giữa các đẳng ay trong sách của Nho gia nguyên thủy nói chung cũng thường bàn đến lòng "nhân ái", n vi bản", giải quyết vấn đề ăn no mặc ấm, làm cho nhân dân an cư lạc nghiệp, xem đó gốc để duy trì được chế độ đẳng cấp. Như thế, xét vấn đề một cách gián tiếp, thì tự do thể không phải hoàn toàn bị phủ nhận, cho dù bị ràng buộc trong phạm vi chế độ đẳng n ti. Nhưng nếu chế độ đẳng cấp vi phạm lại nguyên tắc "nhân nghĩa", thì mọi người có cần phải lật đổ nó. Không phải ngẫu nhiên, mà *Chu Dịch* có nhấn mạnh phạm trù " (thay đổi):

Thiên địa cách nhi tứ thời thành. Thương Vũ cách mệnh, thuận hồ thiên, nhi ứng hồ Cách chi thời nghĩa đại hỉ tai" (Cách, Thoán truyện), có nghĩa là "Trời đất thay đổi mà bốn mùa. Vua Thang, vua Vũ làm cách mạng (lật đổ Kiệt, Trụ) là thuận với ý trời và hợp ng người. Ý nghĩa thời thế của việc thay đổi lớn vậy thay".

hải thừa nhận đây là một chỗ đúng hơn của *Chu Dịch* so với *Bàn về tiến hóa sáng tạo*. liểm tiến hóa của Henri Bergson, mặc dù là sự mở rộng mãi mãi, liên tục phát triển, không bao hàm sự thay cũ đổi mới. Đúng như nhận xét của Lucien Sève cho rằng Henri n sau Hégel một thế kỷ, có thừa nhận rằng cái đang trở thành cũng tham gia vào hình ln sự vật, nhưng mà là để vứt bỏ bài học biện chứng cơ bản này: Thực chất của mọi cái nh là sự đấu tranh của các mặt đối lập, là bước nhảy vọt về chất, vốn là kết quả tất yếu c đấu tranh giữa các mặt đối lập đã trở nên sâu sắc" (*Triết học hiện đại Pháp và nguồn a nó từ năm 1789 đến nay*). Trái lại, chính vì sự tiến hóa dứt khoát phải được thực hiện thay cũ đổi mới như vậy, cho nên *Chu Dịch* rất nhấn mạnh"cách mạng", "cải cách" là ó khăn. Như thế, một mặt cải cách phải thỏa đáng: "Cách nhi đáng, kỳ hối nãi vong" Thoán truyện), có nghĩa là: "Cải cách chính đáng, thì sự hối hận sẽ mất". Nhưng mặt không kém phần quan trọng, là các bậc chính nhân quân tử, đóng vai trò cải cách phải i, không được thoái chí trước gian nguy. Có thể tìm thấy ý này rải rác trong *Chu Dịch*:

liểm tại tiền dã, cương kiện nhi bất hãm, kỳ nghĩa bất khốn cùng dã" (Nhu, Thoán), có nghĩa là: "Nguy hiểm trước mắt, phải cứng rắn tiến lên, nhưng không để bị hãm ô khốn cùng".

Độc lập vô cụ, đào thế vô muộn" (Đại quá, Tượng truyện), có nghĩa là: "Đứng một mình sợ, xa đời không buồn".

Nội nam nhi năng chính kỳ chí" (Minh di, Thoán truyện), có nghĩa là "Trong gian nan, thể giữ đúng chí hướng"...

ó thể thấy *Chu Dịch* luôn luôn phát huy tính năng động chủ quan của con người, chứ chịu ràng buộc bởi chế đội tôn ti đẳng cấp. Đó cũng là một quan niệm về tự do trên một nào đó. Có điều đó là một quan niệm tự do trên cơ sở chủ nghĩa quần thể, nghĩa là phải hướng tương thông với thiên hạ, phải có nghĩa vụ với thiên hạ (thông thiên hạ chi chí,... hiên hạ chi vụ) *(Hệ từ tượng)*. Nó không những khác với quan niệm tự do của chủ nghĩa tư sản, mà càng khác với quan niệm tự do tuyệt đối phi lý tính của Henri Bergson. *Bàn về tiến hóa sáng tạo*, triết gia trực giác chủ nghĩa này cho rằng, con người rất ít

được tự do thật sự, vì ít được sống với "cái tôi bề sâu", mà thường chỉ sống với "cái tôi gắn liền với không gian bên ngoài. Con người thường "bị hành động" theo những nhu ngoài, chứ ít được hành động theo nhu cầu tự nhiên của bản thân. Một hành vi tự Henri Bergson, thì tác giả chỉ là bản thân thuần túy, hành vi phản xạ (acte réflexe) đối ngoài cho dù là có lợi cho bản thân không phải là một hành vi tự do theo đúng nghĩa Một cơn giận dữ vô cớ, một khuyết tật di truyền, một sự nổi loạn vu vơ, một tự kỷ ám thôi miên... , đó mới là thật sự tự do. Không phải nhiều lời, đây là thứ tự do không nh lập với xã hội, hơn nữa, từ đó, còn xa lạ với nhu cầu mưu sinh của con người.

Liên quan với vấn đề tự do là vấn đề sáng tạo. Theo Henri Bergson, sự sống tiến sáng tạo. Phản đối các quan điểm máy móc và thuyết mục đích của thế kỷ XVIII, nhưn Bergson lại cho sự sống sáng tạo là không có quy luật và mục đích nào cả: "Sự sống kh bất cứ mục tiêu và kế hoạch nào hết" (*Bàn về tiến hóa sáng tạo*). Nói sự sống, hơn nữa tiến hóa là vô cùng phức tạp, là đúng, nhưng rõ ràng ở đây, Henri Bergson đã đi đến m đoan khác. Sở dĩ như thế vì Henri Bergson cho rằng sự sống là thuần ý thức:

"Nếu sinh mệnh là thuần túy ý thức hoặc siêu ý thức, thì nó sẽ là một hoạt động s thuần túy... Nếu sự phân tích của chúng ta là chính xác thì nguồn gốc của sinh mệnh thức, thậm chí là siêu ý thức... Loại ý thức này là nhu cầu của sáng tạo. Ở đâu có sáng ở đó ý thức sẽ hiện lên... Ý thức đồng nghĩa với tự do và phát minh... Hóa học và vật không thể cho ta chìa khóa để lý giải sinh mệnh" (*Bàn về tiến hóa sáng tạo*).

Hạt nhân hợp lý trong những quan niệm trên là ở chỗ đã phân biệt với sinh vật nói sự sáng tạo của con người vốn mang tính ý thức, một chân lý mà Mác đã từng tổng kế con nhện làm những động tác giống như động tác của người thợ dệt, và con ong với ngăn tổ sáp của mình còn khéo hơn nhà kiến trúc nhiều. Nhưng điều phân biệt trước ti một nhà kiến trúc tồi nhất và con ong giỏi nhất là nhà kiến trúc trước khi xây dựng từ trong tổ ong thì đã xây dựng từng ngăn đó trong óc mình rồi. Kết quả mà cuối cùng là đạt được, trí tưởng tượng của người lao động đã quan niệm ra trước rồi. Không phải co chỉ thực hiện một sự thay đổi hình thức trong những vật liệu tự nhiên không thôi, mà đồ con người còn thực hiện mục đích của bản thân vốn đã có ý thức về mục đích ấy như r luật quyết định phương thức hoạt động của con người" (Tư bản). Tuy nhiên, sai lầm củ Bergson là chủ trương một ý thức sáng tạo bất chấp quy luật khách quan. Ông nói:

"Thực ra, sinh mệnh là dựa vào cơ thể và phục tùng quy luật phi sinh vật phổ bi nhiên, mọi di vật đều chứng tỏ sinh mệnh hầu như dang tận lực tối đa để thoát sự rà của những quy luật đó. Sinh mệnh quả là không có sức mạnh để xoay chuyển phương biến hóa của vật lý được quy định bởi định luật Carnot. Nhưng một khi sinh mệnh tự động, nó có thể thẳng tiến theo phương hướng ngược lại" (*Bàn về tiến hóa sáng tạo*).

Trong thực tế, cũng rất có thể có những quy luật khách quan nào đó được khá nhưng chính là nó bị tác động bởi một quy luật khác, mà quy luật khác này cũng ph con người nắm bắt để vận dụng, chứ không phải bị tác động bởi một ý thức tự do thuần

Bây giờ chúng ta hãy xem *Chu Dịch* bàn về vấn đề sáng tạo như thế nào. Trong *C* quả cũng đã xuất hiện nhiều từ *sáng* và *tạo* hoặc nhiều từ đồng nghĩa, mà *sinh* là một t từng nêu ở trước:

"Phú hữu chi vị đại nghiệp, nhật tân chi vị thịnh đức, sinh sinh chi vị Dịch" (*Hệ từ* xem dịch nghĩa ở trước). "Nhật tân" gắn liền với "sinh sinh", phải "sinh sinh" mới có t tân"; có thể thấy "sinh sinh" là quá trình sáng tạo không ngừng.

Tiếp theo là từ "lập", trong *Hệ từ thượng* có viết: "Lập thành khí dĩ vì thiên hạ lợi, hồ thánh nhân", có nghĩa là: "Tạo thành những khí cụ có lợi cho thiên hạ, không ai l

nhân". Chữ "Lập" này đương nhiên là có ý nghĩa sáng tạo. Ngoài ra trong *Chu Dịch* còn
Chế: "Kiến nãi vị chi tượng, hình nãi vị chi khí, chế nhi dụng chi vị chi pháp" (Cái xem
ọi là tượng, lấy được hình của nó gọi là khí, chế ra để dùng gọi là pháp). Cũng như các
nh, lập, chữ *chế* này cũng có ý nghĩa sáng tạo.

hưng theo *Chu Dịch*, sự sáng tạo, sự sống tiến hóa là có quy luật của khách quan. Nhật
vận hành, bốn mùa đắp đổi, vạn vật sinh sôi không phải là hỗn loạn, từ đó sự sáng tạo
n người mà thánh nhân là tiêu biểu cũng phải theo quy luật của đất trời: "Thiên địa biến
hánh nhân hiệu chi" (Trời đất xoay chuyển, thánh nhân noi theo - *Hệ Từ thượng*). Ngay
ập ra các quái tượng trong chính *Chu Dịch* cũng vậy. Đó chính là do kết quả của việc:
g lên xem hình tượng trên trời, cúi xuống xem phép tắc dưới đất... làm ra tám quẻ để
suốt cái đức thần minh và phân biệt cái tình của vạn vật" (Ngưỡng tắc quan tượng ư
phủ tắc quan pháp ư địa..., tác bát quải dĩ thông thần minh chi đức, dĩ loại vạn vật chi
Hệ từ hạ) hoặc "Bao quát sự biến hóa của đất trời mà không vi phạm, xúc tiến cả vạn vật
ông để sót" (Phạm vi thiên địa chi hóa nhi bất quá, khúc thành vạn vật nhi bất di - *Hệ từ*
ạ).

ất nhiên trong *Chu Dịch* cũng bộc lộ rõ một cách nhìn cho rằng quy luật khách quan
dễ dàng nắm bắt, không nên khái quát một cách máy móc. Trong *Hệ từ hạ* có viết:
động bất cư... bất khả vi điển yếu, duy biến sở thích", có nghĩa là: "Biến hóa vận động
phải chỉ có một quy tắc nhất định..., không nên ràng buộc bởi quy tắc, phải tùy thời
ổi mới thích hợp". Biết nắm bắt quy luật một cách linh hoạt như vậy, *Chu Dịch* đã dùng
iệm "thần" để hình dung. Có nhiều định nghĩa về khái niệm này: "Nói lên được cái kỳ
ủa vạn vật gọi là thần" (Thần dã giả, diệu vạn vật nhi vi ngôn giả dã - *Hệ từ hạ*); "Biết
ái đạo biến hóa, là biết được cái mà thần đạt tới" (Tri biến hóa chi đạo giả, kỳ tri thần
vi hồ -*Hệ từ thượng*). Con đường nắm bắt cho được cái thần đó cũng muôn hình, muôn
"Thiên hạ có nhiều đường khác nhau, nhưng quy về một mối. Nghĩ trăm cách, nhưng là
rí" (Thiên hạ đồng quy, nhi thù đồ, nhất trí nhi bạch lự - *Hệ từ hạ*).

óm lại *Chu Dịch* cũng như *Bàn về tiến hóc sáng tạo* đều quan niệm sự sống là phát triển
ạo liên tục và phong phú, không nên truy nguyên và dự kiến một cách giản đơn theo
điểm máy móc và thuyết mục đích tiền định. Nhưng nếu Henri Bergson cho sự tiến hóa
ạo là do ý thức tự do cá thể tăng trưởng không ngừng, thì *Chu Dịch*, mặc dù còn vướng
hàu sắc đẳng cấp tôn ty, nhưng lại đặt vấn đề sáng tạo vì thiên hạ, bao gồm tất yếu những
y đổi cũ mới, trên cơ sở những quy luật khách quan. Nhưng không thể từ đây rút ra kết
iản đơn cho rằng tư tưởng phương Đông cổ đại vượt qua tư tưởng phương Tây hiện đại,
không phải hệ tư tưởng tư sản thua hệ tư tưởng cổ trung đại (tiền tư bản, tiền phong kiến).
ước hết, chí ít vì một lẽ giản đơn là Triết học của Henri Bergson không phải toàn bộ đều
hoa của tư tưởng phương Tây hiện đại, bên cạnh một số kiến giải độc đáo, phần khác nó
ã từng bị phê phán ngay ở phương Tây. Lucien Dumas viết: " Henri Bergson đề nghị
ế sự quan sát bên trong bằng trực giác như phương diện nhận thức cho phép đồng hóa
thực tại và đạt tới cái tôi trong tính phức tạp của nó bằng sự cố gắng tổng hợp nắm lấy
ống tinh thần trong tính toàn bộ của nó..., chắc chắn sẽ dẫn chúng ta đến một siêu hình
y linh" *(Tâm lý học từ cuối Trung thế kỷ đến đầu thế kỷ XX)*. Vậy thì kết luận ở đây chỉ
là trong vận hội mới cần mở rộng không gian tư duy hiện nay, trên cơ sở phải nắm bắt,
iết mọi hệ tư tưởng, chúng ta không nên ngưỡng mộ bất kỳ trào lưu tư tưởng nào của
g Tây hiện đại, mà cần chú ý thích đáng hơn đến những tinh hoa trong tư tưởng cổ đại
g Đông. Nói rộng ra vấn đề ở đây có liên quan đến hai nền văn minh công nghiệp và văn
iông nghiệp. Xét trên tiến trình lịch sử, hiển nhiên cái trước là một bước tiến dài so với

cái sau. Văn minh công nghiệp với trình độ khoa học kỹ thuật cao càng khám phá thiên n càng bóc lột thiên nhiên với tư cách bá chủ. Từ đó, dã khúc xạ vào tư tưởng tư sản hậu của chủ nghĩa duy ý chí, duy ý thức, từ Schopenhauer, qua Nietzsche đến Henri Bergson, chấp cả quy luật khách quan, quên hẳn con người là một bộ phận của thiên nhiên, cho ngày càng phải trả giá. Trái lại văn minh nông nghiệp về cơ bản dựa trên nền kinh tế tự cấ túc, không hề rắp tâm bóc lột thiên nhiên, ngược lại đã tự nghiệm và tự nguyện xem mìn một bộ phận phải dựa vào cái toàn bộ là thiên nhiên để sinh trưởng. Tư tưởng này bộc trong *Chu Dịch*: "Hữu thiên địa, nhiên hậu hữu vạn vật, hữu vạn vật nhiên hậu hữu nam "Đại nhân giả, dữ thiên địa hợp kỳ đức, dữ nhật nguyệt hợp kỳ minh, dữ tứ thời hợp kỳ Đến đây không thể không liên tưởng đến dự kiến thiên tài trong bộ *Tư bản* của Karl Mar nền văn minh tương lai phải là sự tích hợp giữa tinh hoa của văn minh công nghiệp với minh nông nghiệp. Hiển nhiên ở đây không có chút gì hoài cổ, kêu gọi quay trở lại văn nông nghiệp, mà chỉ giữ vững thành tựu vĩ đại của nền văn minh công nghiệp, nhưng phải diện với những mặt trái và bổ cứu nó bằng những tinh hoa của văn minh nông nghiệp. tưởng trên bình diện tư tưởng cũng vậy, chúng ta cũng không nên quá say sưa với tư t phương Đông cổ đại nói chung, *Chu Dịch* nói riêng, xem nó là đỉnh cao không thể vượ của tư tưởng loài người để rồi nuối tiếc là nhân loại đã đi lạc đường mấy ngàn năm. Trá phải kiên trì những đỉnh cao của tư tưởng hiện đại, chỉ làm phong phú nó bằng những tinh của tư tưởng cổ đại mà thôi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chu Dịch*, (Sào Nam Phan Bội Châu dịch), NXB Khai trí, 62 Lê Lợi, Sài Gòn
2. Henri Bergson. *Discussion de Crétive Evolution*. Paris 1907.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, Soc., Sci., T. XII, n°4, 1996

ON THE COMPARISON OF LIFE PHILOSOPHY BETWEEN CHU D AND THE HENRI BERGSON'S BOOK " DISCUSSION OF CREATIVE EVALUATION"

PHUONG LUU
Teacher' Training College - VNU

Chu Dịch (transformation of Chu dynasty, a book of Chines Confucianist) and the Bergson's book "discussion of creative evaluations" have the same concept that th evaluates constantly and it is not easy to predict it. But while Henri Bergson think th dynamic of this evolution is the free consciousness of every individual, Chu Dich emph that the life is developed according to the natural rule to which people must follow.

It is possible to consider that this concept is one of many different expressions be the Asian classic ideas and Occidental modern one.